TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 10/9/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Lệ.

+ Ông Nguyễn Văn Hải.

- Th- ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Th- ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2019, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình"*, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐ-HPT ngày 29/8/2019 giữa các đ- ơng sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Phi V, sinh năm 1965; Trú tại: Xóm , xã Dương L, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Có mặt.

***Bị đơn**: Bà Danh Thị B, sinh năm 1965; Trú tại: Xóm , xã Dương L, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Có mặt.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là ông Nguyễn Phi Vinh trình bày:

Ông và bà Bà Danh Thị B, sinh năm 1965; Trú tại: Xóm , xã Dương L, huyện Hoài Đức, Hà Nội kết hôn năm 1985 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do trong cuộc sống bất đồng quan điểm mỗi người có suy nghĩ và cách làm riêng, vợ chồng không đánh cãi chửi nhau nhưng tình cảm thì nhạt dần, vì cuộc sống bất đồng quan điểm ông bị sức ép gia đình nên ông tự bỏ đi mặc dù không ai đuổi, vợ chồng ly thân từ năm 1999 đến nay, hai bên không quan tâm nhau việc ai người đó làm, kinh tế riêng. Đầu năm 2019 ông có đơn xin ly hôn, sau đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 3 cháu là Nguyễn Phi D, sinh ngày 24/7/1987, Phi Thị U, sinh ngày 25/5/1989, cháu Nguyễn Phi T, sinh 27/7/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Thời gian kết hôn và tình trạng vợ chồng đúng như ông V khai, vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, lý do ông V có quan hệ nam nữ nên mọi người phản đối, ông V đã bỏ đi ra ngoài ở từ tháng 7 năm 2000 đến nay không quan tâm gì đến vợ con. Từ năm 2000 đến nay việc ai người đó làm, kinh tế để riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà thấy tình cảm giữa bà và ông V vẫn còn, ông V xin ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 3 cháu là Nguyễn Phi D, sinh ngày 24/7/1987, Phi Thị U, sinh ngày 25/5/1989 và Nguyễn Phi T, sinh 27/7/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đ- ơng sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán và các đ- ơng sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi V. Xử cho ông Nguyễn Phi V được ly hôn bà Danh Thị B.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ghi nhận ông V và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Bị đơn có HKTT tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông Nguyễn Phi V và bà Danh Thị B đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông V và bà B chung sống đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn ông V đã tự bỏ đi nơi khác ở. Ông V xin ly hôn bà B không đồng ý vì cho rằng bà vẫn còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông V và bà B sống ly thân đã nhiều năm, quá trình giải quyết vụ án bà B thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau từ năm 1999, mỗi người sống một nơi, việc ai người đó làm, kinh tế riêng. Mặt khác, đầu năm 2019 ông V đã có đơn xin ly hôn, sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng thực tế vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, bà B muốn ông V về đoàn tụ gia đình nhưng bà không đưa ra được biện pháp, phương án nào để hàn gắn, cải thiện quan hệ vợ chồng, Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn*

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác. Như vậy hiện tại ông Vvà bà B đã sống ly thân gần 20 năm và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa tại ông V và bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho ông V được ly hôn bà B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. ***Về con chung*****:** Ông V và bà B sinh có 03 con chung là Nguyễn Phi D, sinh ngày 24/7/1987, Phi Thị U, sinh ngày 25/5/1989, Nguyễn Phi T, sinh 27/7/1991. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.3]. ***Về tài sản chung*****:** Ghi nhận ông Nguyễn Phi V và bà Danh Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4]. ***Về án phí:*** Ông Nguyễn Phi V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi V, cho ông Nguyễn Phi V được ly hôn bà Danh Thị B.

2. ***Về con chung***: Ông Nguyễn Phi V và bà Danh Thị B có 03 con chung là Nguyễn Phi D, sinh ngày 24/7/1987, Phi Thị U, sinh ngày 25/5/1989, Nguyễn Phi T, sinh 27/7/1991. Hiện các con chung đã trưởng thành.

3. ***Về tài sản chung***: Ghi nhận ông V và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. ***Về án phí***: Ông Nguyễn Phi Vphải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008904 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Ông V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: *Áp dụng Điều 271 và Điều 273 và điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Ông Nguyễn Phi V, bà Danh Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (M- ời lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- TAND TP Hà Nội;
- L- u HS.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán □ Chủ toạ phiên toà**